

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN
Mã chứng khoán: EMS

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-024) 3757 4499 Fax: (84-024) 3757 6752

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Quỳnh Vân – Người được ủy quyền công bố thông tin.

Địa chỉ: F204-E6 Thành Công – Phường Thành Công - Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 0915267888

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.

2. Công văn Giải trình kết quả kiểm toán và báo cáo việc chậm công bố thông tin.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại đường dẫn: <https://ems.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TCCB.LĐ**



Trần Thị Quỳnh Vân

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 402/TB-KTNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 3232

Ngày: 9 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

TẠI TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CTCP

Kính gửi: Tổng giám đốc Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - CTCP

Thực hiện Quyết định số 447/QĐ-KTNN ngày 01/4/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổ kiểm toán số 05 thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - CTCP từ ngày 29/4/2022 đến ngày 23/5/2022.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 23/5/2022. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị:

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính**

Chi tiết tại Phụ lục 05/HSKT-DN kèm theo.

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

- Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán: Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng (*chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan*); kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của Tổ kiểm toán: Đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán dựa trên căn cứ, phạm vi, giới hạn kiểm toán (*nêu tại phần đầu của Biên bản kiểm toán*), các hồ sơ tài liệu do đơn vị cung cấp, tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện cuộc kiểm toán theo phương pháp chuyên môn cần thiết dựa trên xét đoán của kiểm toán viên để thu thập bằng chứng kiểm toán thông qua chọn mẫu.

- Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính năm 2021: Theo ý kiến của Tổ kiểm toán, ngoại trừ phạm vi và giới hạn kiểm toán, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - CTCP (EMS) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý tài chính công, tài sản công

2.1. Quản lý tài chính, kế toán

- *Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn*

+ Về phải thu ngắn hạn khách hàng: Tỷ lệ đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2021 của Chi nhánh Hà Nội còn thấp, đạt 89,6% về giá trị.

+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021, đơn vị vẫn còn tồn tại một số khoản công nợ khó đòi với giá gốc là 1.734 triệu đồng, trong đó: Công nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là 523 triệu đồng (chiếm 30% tổng nợ khó đòi); công nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm là 400 triệu đồng, chiếm 23%; công nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm là 447 triệu đồng, chiếm 26%; công nợ quá hạn trên 3 năm là 363 triệu đồng, chiếm 21%. Đơn vị đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi đến 31/12/2021 là 1.033 triệu đồng.

- *Quản lý hàng tồn kho*: Đối với vật liệu, ấn phẩm dùng cho SXKD: Đơn vị chưa thực hiện kiểm kê vật liệu, ấn phẩm tại các bưu cục trực thuộc các Chi nhánh vào thời điểm 31/12/2021 theo quy định.

- *Quản lý tiền lương*: EMS chưa hoàn thành việc xây dựng định mức lao động¹ đối với lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn về thực hiện

¹ EMS đã thuê đơn vị tư vấn để xây dựng định biên lao động và đã có báo cáo kết quả xây dựng định biên lao động trực tiếp SXKD tại EMS do đơn vị tư vấn lập; EMS đang nghiên cứu áp dụng.

quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần và Chương 3 Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương.

- *Quản lý các khoản doanh thu, thu nhập*: Khi xây dựng và ban hành gói cước dịch vụ Chuyển phát nhanh EMS Thương mại điện tử Đồng giá trong đó có xác định các yếu tố chi phí như chi phí biến đổi và chi phí mua ngoài như chi phí giao nhận, chi phí vận chuyển hàng không, chi phí khai thác, chi phí ấn phẩm... Tuy nhiên đơn vị chưa xác định chi phí chương trình hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh nên trong quá trình thực hiện còn phát sinh thêm khoản chi phí này.

- *Thuế và các khoản phải nộp NSNN*: Về cơ bản đơn vị đã kê khai, nộp thuế theo quy định; tuy nhiên, qua kiểm toán còn điều chỉnh tăng số phải nộp NSNN do:

- + Tăng thuế TNDN do doanh thu, chi phí thay đổi 1.124 triệu đồng.
- + Tăng thuế GTGT do đơn vị chưa kê khai nộp thuế đối với hàng biếu tặng 50 triệu đồng.

2.2. Công tác quản lý và sử dụng đất đai

Diện tích đất tại số 1 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm được UBND thành phố Hà Nội giao và ký hợp đồng thuê đất với Bưu điện thành phố Hà Nội từ năm 1999 với diện tích là 964 m², thời hạn thuê 20 năm. Qua quá trình hoạt động, diện tích đất này (bao gồm tài sản trên đất) được bàn giao cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Công ty cổ phần chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là Tổng công ty chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP) là đơn vị quản lý, sử dụng trực tiếp.

Từ năm 2018, EMS đã có các văn bản gửi Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội về việc gia hạn hợp đồng thuê đất, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất². Ngày 09/02/2020, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có văn bản số 573/BĐVN-TCKT về việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước tại thành phố Hà Nội, trong đó giao Bưu điện thành phố Hà Nội là đơn vị đầu mối làm việc với các Sở, ban ngành trong công tác sắp xếp xử lý nhà, đất của các đơn vị thuộc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội (trong đó có diện tích đất tại số 1 Tân Xuân do EMS đang quản lý, sử dụng).

² Ngày 27/7/2018, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có văn bản số 175/BĐVN-HĐTV-TCKT gửi EMS, trong đó giao EMS thực hiện các thủ tục cần thiết để gia hạn hợp đồng thuê đất, xin cấp và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến thời điểm tháng 6/2021, EMS có thuê đơn vị tư vấn đo đạc lập bản đồ hiện trạng khu đất với diện tích xác định là 918,4 m², chênh lệch giảm 45,6m².

II. KIẾN NGHỊ

1. Điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán tại Phần thứ nhất của Biên bản kiểm toán.

2. Kiến nghị về xử lý tài chính: Nộp vào NSNN số tiền qua kiểm toán phát hiện tăng thêm là 1.174.592.717 đồng, trong đó:

- Thuế TNDN: 1.124.592.717 đồng.

- Thuế GTGT: 50.000.000 đồng.

3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

- Về quản lý nợ phải thu: Thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ theo quy định; tăng cường đôn đốc, thu hồi nợ phải thu khó đòi, quá hạn thanh toán.

- Về quản lý hàng tồn kho: Thực hiện kiểm kê đối với các vật tư xuất dùng cho các điểm giao dịch thời điểm cuối năm chưa dùng hết.

- Xác định đầy đủ các chi phí trong việc xây dựng giá gói cước dịch vụ Chuyển phát nhanh EMS Thương mại điện tử đồng giá.

- Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng định mức lao động đối với lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- Về quản lý và sử dụng đất đai: Làm việc với các cơ quan chức năng nhà nước để hoàn thiện về hồ sơ pháp lý đối với các diện tích đất chưa đầy đủ hồ sơ pháp lý.

* * *

Đề nghị Tổng giám đốc Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Bưu điện Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI, địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, quận Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 31/12/2022. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 05 trang, từ trang 01 đến trang 05 và các phụ lục số 01, 02, 02a, 05/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./ *lyhuc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN chuyên ngành VI;
- Lưu: ĐKT, VT.

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI**



Trần Văn Hảo

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*”.

2. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”; đồng thời ghi rõ “*niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM KIỂM TOÁN 2022

Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế				Phí, lệ phí	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Các khoản thu khác
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế khác			
1	Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP	0101826868	1.174.592.717	50.000.000	1.124.592.717					
	Tổng cộng		1.174.592.717	50.000.000	1.124.592.717					

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính: đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5		6
I	Thuế TNDN		1.124.592.717			
1	Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP	0101826868	1.124.592.717	Do thay đổi doanh thu, chi phí và các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN		
II	Thuế GTGT		50.000.000			
1	Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP	0101826868	50.000.000	Do xác định thuế GTGT đối với hàng biếu tặng theo khoản 3 Điều 7 thông tư 219/2012/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính		

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CTCP**

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	737.390.011.895	737.390.011.895	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	215.794.342.161	215.794.342.161	-
1. Tiền	111	34.994.342.161	34.994.342.161	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	180.800.000.000	180.800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	40.812.702.840	40.812.702.840	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	40.812.702.840	40.812.702.840	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	468.470.663.999	468.470.663.999	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	432.696.072.658	432.696.072.658	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.010.009.377	4.010.009.377	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	32.798.403.056	32.798.403.056	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.033.821.092)	(1.033.821.092)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	575.245.376	575.245.376	-
1. Hàng tồn kho	141	575.245.376	575.245.376	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	11.737.057.519	11.737.057.519	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.737.057.519	11.737.057.519	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	81.547.131.161	82.370.538.514	823.407.353
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	9.171.412.386	9.171.412.386	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.171.412.386	9.171.412.386	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-

II. Tài sản cố định	220	61.798.202.982	62.621.610.335	823.407.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	47.142.313.298	47.142.313.298	-
- Nguyên giá	222	185.779.319.419	185.779.319.419	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(138.637.006.121)	(138.637.006.121)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14.655.889.684	15.479.297.037	823.407.353
- Nguyên giá	228	24.372.168.378	24.372.168.378	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(9.716.278.694)	(8.892.871.341)	823.407.353
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.116.165.175	5.116.165.175	-
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.116.165.175	5.116.165.175	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	5.461.350.618	5.461.350.618	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.461.350.618	5.461.350.618	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Thiết bị, VTPT thay thế dài hạn	263	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	818.937.143.056	819.760.550.409	823.407.353
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	547.580.418.387	547.683.760.258	103.341.871
I. Nợ ngắn hạn	310	547.580.418.387	547.683.760.258	103.341.871
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	179.127.404.510	179.127.404.510	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.840.597.072	2.840.597.072	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.352.057.754	11.526.650.471	1.174.592.717
4. Phải trả người lao động	314	182.328.806.411	182.328.806.411	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	54.896.011.168	53.824.760.322	(1.071.250.846)
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	42.639.454.720	42.639.454.720	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	75.396.086.752	75.396.086.752	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324	-	-	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-

2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	271.356.724.669	272.076.790.151	720.065.482
I. Vốn chủ sở hữu	410	271.356.724.669	272.076.790.151	720.065.482
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	179.997.532.374	179.997.532.374	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	179.997.532.374	179.997.532.374	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	24.029.085.701	24.029.085.701	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	67.330.106.594	68.050.172.076	720.065.482
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	3.000.000	3.000.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	67.327.106.594	68.047.172.076	720.065.482
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	818.937.143.056	819.760.550.409	823.407.353

* Nguyên nhân chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG		823.407.353 đ
1	Giá trị hao mòn TSCĐ vô hình giảm	823.407.353 đ
	- Do thời gian khấu hao một số tài sản chưa phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 22/04/2013 của Bộ Tài chính và văn bản số 706/TCKT ngày 18/7/2013 của EMS	823.407.353 đ
NGUỒN VỐN TĂNG		823.407.353 đ
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	1.174.592.717 đ
	- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN)	1.124.592.717 đ
	- Do xác định thuế GTGT đối với hàng biếu tặng theo khoản 3 Điều 7 thông tư 219/2012/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính	50.000.000 đ

2 Chi phí phải trả ngắn hạn giảm	1.071.250.846 đ
- Giảm chi phí phải trả (cước đầu cuối) do đến thời điểm kiểm toán không phải trả	1.071.250.846 đ
3 LNST chưa phân phối kỳ này tăng	720.065.482 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	720.065.482 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.495.605.810.700	2.495.605.810.700	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	2.495.605.810.700	2.495.605.810.700	-
4. Giá vốn hàng bán	11	2.024.077.804.503	2.022.183.146.304	(1.894.658.199)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	471.528.006.197	473.422.664.396	1.894.658.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.775.557.441	4.775.557.441	-
7. Chi phí tài chính	22	1.778.224.129	1.778.224.129	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	200.200.487.870	200.250.487.870	50.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	190.060.897.611	190.060.897.611	-
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	84.263.954.028	86.108.612.227	1.844.658.199
11. Thu nhập khác	31	282.932.440	282.932.440	-
12. Chi phí khác	32	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	282.932.440	282.932.440	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	84.546.886.468	86.391.544.667	1.844.658.199
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17.219.779.874	18.344.372.591	1.124.592.717
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	67.327.106.594	68.047.172.076	720.065.482

* Nguyên nhân chênh lệch:

1 Giá vốn hàng bán giảm	1.894.658.199 đ
- Giảm chi phí phải trả (cước đầu cuối) do đến thời điểm kiểm toán không phải trả	1.071.250.846 đ
- Do thời gian khấu hao một số tài sản chưa phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 22/04/2013 của Bộ Tài chính và văn bản số 706/TCKT ngày 18/7/2013 của EMS	823.407.353 đ
2 Chi phí bán hàng tăng	50.000.000 đ
- Do xác định thuế GTGT đối với hàng biếu tặng theo khoản 3 Điều 7 thông tư 219/2012/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính	50.000.000 đ
3 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	1.124.592.717 đ
- Do các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC	755.661.077 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng TNDN)	368.931.640 đ
4 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng	720.065.482 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	720.065.482 đ

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2021

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	-	-	-
II. Các khoản phải thu khác	-	-	-
Tổng cộng = I + II	-	-	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	10.352.057.754	11.526.650.471	1.174.592.717
1. Thuế GTGT	7.254.012.704	7.304.012.704	50.000.000
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.219.779.874	3.344.372.591	1.124.592.717
5. Thuế thu nhập cá nhân	876.568.007	876.568.007	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	1.697.169	1.697.169	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng = I + II	10.352.057.754	11.526.650.471	1.174.592.717
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG	1.174.592.717 đ
1 Thuế giá trị gia tăng tăng	50.000.000 đ
- Do xác định thuế GTGT đối với hàng biếu tặng theo khoản 3 Điều 7 thông tư 219/2012/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính	50.000.000 đ
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	1.124.592.717 đ
- Do các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC	755.661.077 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng TNDN)	368.931.640 đ

**TỔNG CÔNG TY
CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 18.18.../CV-EMS-TCKT

V/v: Giải trình kết quả kiểm toán và
báo cáo việc chậm công bố thông tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (UBCKNN)**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (SGDCK)**

Trước hết, Tổng công ty chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty EMS) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các Quý cơ quan trong thời gian tới.

Ngày 09/08/2022, Tổng công ty EMS nhận được công văn số 402/TB-KTNN ngày 13/07/2022 của Kiểm toán Nhà nước về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP. Theo đó, Tổng công ty EMS xin giải trình về kết quả kiểm toán và báo cáo việc chậm công bố thông tin như sau:

I. Về kết quả kiểm toán theo Thông báo của Kiểm toán Nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 447/QĐ-KTNN ngày 01/04/2022 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổ kiểm toán số 05 thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty EMS từ ngày 29/04/2022 đến ngày 23/05/2022.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán Nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với Tổng công ty EMS như sau:

1. Kiến nghị về điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán: Nộp vào NSNN số tiền qua kiểm toán phát hiện tăng thêm là 1.174.592.717 đồng, trong đó:

- Thuế TNDN: 1.124.592.717 đồng.

- Thuế GTGT: 50.000.000 đồng.

2. Kiến nghị về công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công:

- Về quản lý nợ phải thu: Thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ theo quy định; tăng cường đôn đốc, thu hồi nợ phải thu khó đòi, quá hạn thanh toán.

- Về quản lý hàng tồn kho: Thực hiện kiểm kê đối với các vật tư xuất dùng cho các điểm giao dịch thời điểm cuối năm chưa dùng hết.

- Xác định đầy đủ các chi phí trong việc xây dựng giá gói cước dịch vụ Chuyển phát nhanh EMS Thương mại điện tử đồng giá.

- Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng định mức lao động đối với lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- Về quản lý và sử dụng đất đai: Làm việc với các cơ quan chức năng nhà nước để hoàn thiện về hồ sơ pháp lý đối với các diện tích đất chưa đầy đủ hồ sơ pháp lý.

Ngay sau khi nhận được quyết định, ngày 09/08/2022, Tổng công ty EMS đã thực hiện điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế năm 2021 và hoàn thành nghĩa vụ nộp đầy đủ số tiền nêu trên theo quy định.

II. Giải trình nguyên nhân dẫn đến việc điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán.

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng:

- Thuế TNDN: Do doanh thu, chi phí thay đổi.

- Thuế GTGT: Do xác định thuế GTGT đối với hàng biếu tặng theo khoản 3 Điều 7 thông tư 219/2012/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021:

- TÀI SẢN TĂNG:

+ Giá trị hao mòn TSCĐ vô hình giảm: do thời gian khấu hao một số tài sản chưa phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 22/04/2013 của Bộ Tài chính và văn bản số 706/TCKT ngày 18/07/2013 của Tổng công ty EMS.

- NGUỒN VỐN TĂNG:

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng: do nguyên nhân nêu trên.

+ Chi phí phải trả ngắn hạn giảm: Giảm chi phí phải trả (cước đầu cuối) do đến thời điểm kiểm toán không phải trả.

+ LNST chưa phân phối kỳ này tăng: do kết quả kiểm toán thay đổi.

III. Về việc chậm công bố thông tin Thông báo kết quả kiểm toán.

Theo Quyết định số 447/QĐ-KTNN ngày 01/04/2022 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng công ty EMS là một trong những công ty con của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thuộc danh sách đơn vị được kiểm toán. Theo đó, Tổng công ty EMS không phải là đơn vị được nhận văn bản trực tiếp từ Kiểm toán Nhà nước.

Ngày 09/08/2022, ngay sau khi nhận được văn bản từ Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng công ty EMS đã thực hiện việc công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24h theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình về Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng công ty EMS cũng như lý do chậm công bố thông tin của đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/cáo);
- Trưởng Ban kiểm soát (b/cáo);
- Các phó TGD (để biết);
- Lưu: TCKT, VT.



HÀ THỊ HÒA

Đính kèm:

- Văn bản số 402/TB-KTNN ngày 13/07/2022 của Kiểm toán Nhà nước về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP.